

Bản án số: 485/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 8 - 2023
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành

Ông Lý Khắc Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tý H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số A, tổ F, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số A, tổ D, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Tý H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Tuấn A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau do bất đồng quan điểm sống từ đó hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân khoảng 7 năm nay. Nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh

phúc, không đạt được mục đích hôn nhân. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đỗ Tuấn A.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung tên Đỗ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/11/2013 và Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2016 bà H đang nuôi dưỡng. Các con từ lúc ly thân đến nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng do đó bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Tuấn A cố tình vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hoà giải nên đề nghị Toà án không tiếp tục tiến hành hoà giải mà sớm đưa vụ án ra xét xử.

[2] Bị đơn ông Đỗ Tuấn A vắng mặt các lần toà án triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà,

Bà Nguyễn Thị Tý H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đỗ Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Chủ tọa công bố đơn khởi kiện cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tý H đối với ông Đỗ Tuấn A; Về con chung: Giao Đỗ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/11/2013 và Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Tý H nuôi dưỡng, ông Đỗ Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không xem xét; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Tý H tranh chấp ly hôn và nuôi con với ông Đỗ Tuấn A. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh

chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con. Ông Đỗ Tuấn A có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về tài liệu, chứng cứ:* Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp cho ông Đỗ Tuấn A. Do đó, Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai, tiếp cận để giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] *Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự:* Bà Nguyễn Thị Tý H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đỗ Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Tuấn A, bà Nguyễn Thị Tý H là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

HĐXX thấy rằng, bà Nguyễn Thị Tý H và ông Đỗ Tuấn A đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C. Do đó, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tý H và ông Đỗ Tuấn A là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà Nguyễn Thị Tý H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử tòa án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đỗ Tuấn A đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông Đỗ Tuấn A không còn mong muốn tiếp tục đoàn tụ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Tý H và ông Đỗ Tuấn A không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình với nhau được nữa. Điều này thể hiện ông bà đã không thực hiện được tình nghĩa của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng*

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tý H đối với ông Đỗ Tuấn A là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Nguyễn Thị Tý H và ông Đỗ Tuấn A có 02 con chung tên Đỗ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/11/2013 và Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2016. Cả hai con chung do bà Nguyễn Thị Tý H trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy từ lúc vợ chồng bà ly thân đến nay nhưng vẫn đảm bảo cuộc sống của con. Mặt khác, con chung Đỗ Nguyễn Quốc T có nguyện vọng muốn sống với bà Nguyễn Thị Tý H. Do đó, nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm lý, cuộc sống và sinh hoạt của cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Đỗ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/11/2013 và Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Tý H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị Tý H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Đỗ Tuấn A không có ý kiến đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Nguyễn Thị Tý H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đỗ Tuấn A không có ý kiến đối với vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong vụ án tranh chấp ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn cho dù yêu cầu của nguyên đơn có được Tòa án chấp nhận hay không. Do đó, bà Nguyễn Thị Tý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đỗ Tuấn A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tý H đối với ông Đỗ Tuấn A. Bà Nguyễn Thị Tý H và ông Đỗ Tuấn A không còn là vợ chồng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10/01/2014 của UBND xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao Đỗ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05/11/2013 và Đỗ Thị Huỳnh N, sinh ngày 15/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Tý H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Tý H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005409 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã Đào Hữu Cảnh, H.Châu Phú;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hòa